

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN L
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2021/DS-ST
Ngày 17-8 -2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN L, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mai

Bà Hà Thị Nga

-Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngọc Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận L, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận L, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Mai Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận L, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 536/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 585/2021/QĐST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S; địa chỉ: Số 266- 268 nam Kỳ, Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông C, - Nhân viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP S (Giấy ủy quyền số 223/2021/GUQ-CNHP ngày 31 tháng 12 năm 2020); có mặt

Bị đơn: Bà Nguyễn Minh C; nơi cư trú: Số 2/726 L, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 01 năm 2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng TMCP S do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 28/3/2016 chị Nguyễn Minh C có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng- các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của chị C, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng có hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Lãi suất trong Hợp đồng Thẻ tín dụng được hai bên thỏa thuận 2,15%/ tháng. Phương thức thanh toán là tổng số tiền gốc và lãi đến hạn hoặc trước ngày đến hạn như được nêu trong thông báo hàng tháng gửi cho chủ thẻ.

Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày 31/3/2016 đến ngày 31/12/2018 chị C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là: 30,796,419 đồng, thời điểm chị C sử dụng thẻ lần cuối cùng là ngày 30/6/2018, chị C đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 28.973.000 đồng, trong đó: tiền phí 598.000 đồng; phí trễ hạn: 1.036.198 đồng; lãi trong hạn từ ngày: 31/3/2016 đến ngày 31/12/2018 là: 8.663.117 đồng; như vậy chị C còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là: 12, 221, 045 đồng. Bắt đầu từ ngày 31/12/2018 chị Nguyễn Minh C không thanh toán cho Ngân hàng đúng hạn vì vậy đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại điều 2 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên toàn bộ dư nợ còn thiếu chuyển sang quá hạn và Ngân hàng buộc phải chấm dứt quyền sử dụng thẻ của chị Nguyễn Minh C (Điều 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) và áp dụng tính lãi quá hạn đối với chị C từ ngày 31/01/2019.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc nhiều lần làm việc trực tiếp với chị C, yêu cầu chị C có trách nhiệm thanh toán khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để chị C trả nợ, tuy nhiên đến nay chị C vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng và đã vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Nên Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc chị Nguyễn Minh C phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 17/8/2021 là : 26.886.005 đồng, trong đó số tiền nợ gốc: 12.221.045 đồng, tiền lãi quá hạn: 14.664.960 đồng được tính là $150\% \times 2,5\% / \text{tháng}$ và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 18/8/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định Hợp đồng và chị C phải chịu toàn bộ án phí.

Bị đơn chị Nguyễn Minh C đã được Tòa án tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp

cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ hai hợp lệ nhưng chị C vẫn vắng mặt, và không có bất kỳ văn bản trình bày ý kiến của mình. Chị C đã được Tòa án đã tiến hành tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng chị C vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần S

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận L, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chị Nguyễn Minh C không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự mặc dù đã được Tòa án niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự, qua quá trình hỏi công khai tại phiên tòa, xét thấy Hợp đồng tín dụng ký kết giữa hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, đe dọa, hình thức hợp đồng đảm bảo đúng pháp luật hoàn toàn hợp pháp. Nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ giải ngân đầy đủ số tiền hai bên thỏa thuận vay. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện là có căn cứ. Theo thỏa thuận giữa các bên thì lãi suất trong hạn là 2,15%/ tháng, tuy nhiên quá trình thực hiện Hợp đồng các bên áp dụng lãi suất 2,5%/ tháng đối với khoản rút tiền mặt và 2,15% khoản tiêu dùng mua sắm khác và bị đơn đã thực hiện việc thanh toán cho nguyên đơn theo lãi suất này nên đối với các khoản tiền giao dịch phát sinh coi như bị đơn đã chấp nhận thỏa thuận này. Đối với khoản tiền lãi quá hạn tính từ ngày 01/01/2019 bị đơn chỉ phải chịu mức lãi suất quá hạn là $150\% \times 2,15\%$ / tháng.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, Điều 466, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 90; Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị HĐXX: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S buộc chị Nguyễn Minh C có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm tính đến ngày 17 tháng 8 năm 2021 bao gồm nợ gốc là: 12.221.045 đ (mười hai triệu, hai trăm hai mươi một nghìn, không trăm bốn mươi lăm) đồng, số tiền nợ lãi quá hạn là 12.612.121 đ (mười hai triệu, sáu trăm mười hai nghìn, một trăm hai mươi một) đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 18/8/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Phần nợ lãi quá hạn mà Ngân hàng yêu cầu không được chấp nhận là 2.052.839 (hai triệu không trăm lăm mươi hai nghìn tám trăm ba mươi chín) đồng

Do lãi suất quá hạn được hai bên thỏa thuận là bằng 150% lãi trong hạn, năm 2016 Hợp đồng hai bên ký thỏa thuận lãi suất Hợp đồng là 2,15% hiện tại Ngân hàng áp dụng lãi suất 2,5% lãi suất trong hạn. Như vậy việc tính lãi của Ngân hàng là không phù hợp với thỏa thuận của hai bên nên không được chấp nhận.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận và nguyên đơn phải chịu án phí với phần yêu cầu không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là Hợp đồng thế tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S và chị Nguyễn Minh C với mục đích để chị C vay số tiền 15.000.000 đồng phục vụ nhu cầu tiêu dùng cá nhân nên được xác định là tranh chấp Hợp đồng dân sự theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời bị đơn chị Nguyễn Minh C, sinh năm 1989; có nơi cư trú tại Số 2/726 L, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận L, thành phố Hải Phòng.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Xét văn bản ủy quyền số 223/GUQ-CNHP ngày 31/12/2020 là ủy quyền hợp lệ nên ông C có đủ tư cách đại diện nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án.

- Về việc vắng mặt của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án:

[3] Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Minh C đồng thời chị C đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Minh C.

-Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4] Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trình bày của nguyên đơn xác định: “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 28/3/2016 giữa chị Nguyễn Minh C với Ngân hàng TMCP S và đến ngày 31/3/2016 chị C đã xác nhận sử dụng thẻ tín dụng và chịu phí sử dụng thẻ, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất do Ngân hàng công bố (2,15%/ tháng) và lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất Ngân hàng công bố, phương thức thanh toán vào hoặc trước ngày đến hạn tuân thủ quy định tại các Điều 116, Điều 117 của Bộ luật dân sự 2015 với các điều khoản không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do vậy hợp đồng là hợp pháp, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của hai bên. Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình, giải ngân cho chị C vay đủ số tiền mà hai bên đã thỏa thuận thông qua việc sử dụng thẻ tín dụng để chi tiêu cá nhân theo hạn mức của thẻ tín dụng theo bảng sao kê chi tiết khách hàng Nguyễn Minh C, CMND 031571793, số thẻ 356480-7241 mà Ngân hàng đã cung cấp cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

[5] Về yêu cầu nợ gốc: Bị đơn chị Nguyễn Minh C sử dụng thẻ từ ngày 31/3/2016 đến ngày 31/12/2018, sau đó đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của mình tại Ngân hàng kể từ ngày 01/01/2019. Vì vậy việc Ngân hàng thương mại cổ phần S khởi kiện buộc chị Nguyễn Minh C phải trả nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là: 12.221.045 đồng là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[6] Về yêu cầu tính lãi: Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng đề nghị chị C phải thanh toán số tiền lãi quá hạn được tính trên cơ sở thỏa thuận 150% lãi suất thỏa thuận để thu hồi nợ là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên về số tiền lãi quá hạn của Ngân hàng hiện nay áp dụng yêu cầu tính lãi suất quá hạn theo lãi suất là 150% x 2,5%/tháng là không phù hợp. Bởi thỏa thuận giữa hai bên trong hợp đồng là 2,15%/tháng, mặc dù Ngân hàng đưa ra căn cứ cho rằng thẻ tín dụng chị C sử dụng là loại thẻ JCB, Ngân hàng có quy định về lãi suất khi giao dịch rút tiền mặt/tương đương rút tiền mặt là 2,5%/ tháng nhưng năm 2016 khi ký kết giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng hai bên

không có bất kỳ thỏa thuận nào về việc áp dụng lãi suất 2,5% /tháng khi giao dịch rút tiền mặt, đồng thời với số nợ gốc của chị C tại Ngân hàng cũng không phân biệt được đâu là nợ do giao dịch rút tiền mặt/tương đương rút tiền mặt hay giao dịch mua bán hàng hóa. Do vậy việc Ngân hàng đề nghị áp dụng tính lãi quá hạn 150% của lãi suất 2,5%/tháng đối với khoản tiền nợ của chị Nguyễn Minh C là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Do đó HĐXX xét thấy cần điều chỉnh mức lãi suất quá hạn áp dụng đối với chị Nguyễn Minh C tạm tính từ ngày 31/1/2019 đến ngày 17/8/2021 theo nguyên tắc lãi 150% x 2,15%/ tháng.

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc chị Nguyễn Minh C phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 28/3/2016 ký giữa hai bên là : 12.221.045đ (mười hai triệu, hai trăm hai mươi một nghìn, không trăm bốn mươi lăm đồng), và chấp nhận một phần về yêu cầu tính lãi quá hạn buộc chị C phải trả cho Ngân hàng số tiền lãi quá hạn là: 12.612.121đ (mười hai triệu, sáu trăm mười hai nghìn, một trăm hai mươi một đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ 18/8/2021 cho đến ngày trả hết nợ theo lãi suất quá hạn các bên đã thỏa thuận.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Bị đơn chị Nguyễn Minh C phải chịu 1.241.650đ (một triệu, hai trăm bốn mươi một nghìn, sáu trăm lăm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền lãi quá hạn không được chấp nhận là 2.052.839đ (hai triệu, không trăm năm mươi hai nghìn, tám trăm ba mươi chín đồng), số tiền này được trừ vào số tiền 590.000đ (năm trăm chín mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp, trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần S 290.000đ (hai trăm chín mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014409 ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận L, thành phố Hải Phòng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 117, Điều 119; Điều 280; Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 94, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1.1 Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S buộc chị Nguyễn Minh C phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền nợ gốc theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ký ngày 28 tháng 3 năm 2016, tính đến hết ngày 17 tháng 8 năm 2021 là 12.221.045 đồng (mười hai triệu, hai trăm hai một nghìn, không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng); lãi quá hạn là 12.612.121 đồng (mười hai triệu, sáu trăm mười hai nghìn, một trăm hai mươi một đồng). Tổng cộng là 24.833.166 đồng (hai mươi tư triệu, tám trăm ba mươi ba nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.2 Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP S số tiền lãi quá hạn: 2.052.839 (hai triệu không trăm lăm mươi hai nghìn tám trăm ba mươi chín) đồng.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Minh C phải chịu 1.241.650 đồng (một triệu hai trăm bốn mươi một nghìn, sáu trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 290.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014409 ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận L, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận L;
- Chi cục thi hành án dân sự quận L;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hải Yến

